TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CH NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-PT
Ngày: 11.3.2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CH NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Ch tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh và ông Đinh Huy Lưỡng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Ông Tạ Đức Vọng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 và ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn H sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn*: Ông Đinh Văn Q sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà NLQ1 sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Ông NLQ2 sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Ông NLQ3 sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bà NLQ4 sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Anh NLQ5 sinh năm 1995; Địa chỉ hiện nay: Thôn 4C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (Địa chỉ theo án sơ thẩm: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

4. *Người kháng cáo:* Ông Đinh Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đinh Văn H trình bày: Bố ông H là cụ Đinh Văn T sinh năm 1928, chết năm 2007 và mẹ là cụ Nguyễn Thị D sinh năm 1932, chết năm 1994. Cụ T và cụ D sinh được 06 người con gồm: Bà NLQ1 sinh năm 1957, ông Đinh Văn H sinh năm 1963, ông NLQ2 sinh năm 1965, ông Đinh Văn Q sinh năm 1968, ông NLQ3 sinh năm 1974; Đều trú tại: Thôn Y, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình và bà NLQ4 sinh năm 1961; Trú tại: Thôn E, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Cụ T và cụ D không ai có con riêng, con nuôi.

Trước khi chết, cụ T và cụ D có để lại tài sản gồm: 04 gian nhà cấp 4, công trình phụ, bếp, giếng nước và quyền sử dụng 1.007m^2 đất (trong đó có 360m^2 đất ở, 647m^2 đất vườn); Năm 1997 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đinh Văn T. Hiện nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 36 bản đồ địa chính xã P lập năm 2017, có diện tích là 992,8m^2. Trước khi chết cụ D và cụ T chưa bàn giao tài sản nêu trên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Hai cụ không để lại di chúc và ông H không cầm bản di chúc nào đến xã xin dấu như ông Q khai. Thời gian cụ T còn sống chỉ có ông NLQ3 ở cùng, nên cụ T có tạm giao nhà đất cho ông NLQ3 quản lý, sử dụng. Từ năm 2001 đến 2005 mặc dù vợ chồng ông Q có nhà đất ở xã Kỳ Phú ông Q đã bán đi và dọn về ở chung với cụ T. Ông Q đã lấy sổ đỏ của cụ T giấu đi và không trả lại. Sau khi ông NLQ3 lấy vợ, chuyển đến sinh sống tại xã Quỳnh Lưu; Năm 2007 cụ T chết thì ông Q là người trực tiếp trông coi, quản lý di sản cho đến nay.

Ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ D để lại gồm 992,8m^2 (trong đó đất ở là 360m^2, đất vườn là 632,8m^2) tại thửa 165, tờ số 36, bản đồ địa chính Xã P lập năm 2017 và 04 gian nhà cấp 4 + mái hiên, nhà bếp, sân bê tông, giếng nước theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Chia di sản thừa thừa kế làm 6 phần theo hướng Đông – Tây, theo các vị trí đã được xác định trong đơn đề nghị của ông H ngày 03/6/2019. Riêng phía Đông, giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án cắt 4m chiều ngang để làm đường đi vào phần đất của các đồng thừa kế được chia, vì đây là lối đi duy nhất không còn lối đi nào khác. Ông H cho bà NLQ1 được hưởng kỷ phần của ông H. Trong quá trình sử dụng đất của bố mẹ để lại ông Q có đổ đất vào tôn vườn và xây dựng thêm nhà và một số công trình. Ông Q cũng đã chặt hết cây cối trên đất của bố mẹ để lại, toàn bộ cây cối hiện nay đều do ông Q tự ý trồng.

Tại đơn trình báo ngày 26/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đinh Văn Q trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Đinh Văn T, Nguyễn Thị D sinh được 6 người con gồm các ông bà: NLQ1, NLQ4, Đinh Văn H, NLQ2, Đinh Văn Q, NLQ3. Hai chị gái đã xuất giá đi lấy chồng, còn lại bốn anh em trai. Năm 1993 khi dồn điền đổi thửa cụ T đã

chia đất cho hai anh là Đinh Văn H và NLQ2 ở hai đầu, phần còn lại chia cho ông Q và ông NLQ3. Khi chia đất cho anh em, tại bữa giỗ cụ T có nhờ ông Đinh Minh Ch viết giấy di chúc thừa kế để lại cho hai anh em. Khi ông Ch viết xong giấy di chúc thừa kế cụ T ký, ông Ch ký, anh em ông Q cùng ký. Sau đó cụ T giao cho anh trai cả là Đinh Văn H đến xã xin dấu.

Năm 2011, ông NLQ3 không sử dụng phần đất của bố mẹ cho nên đã chuyển nhượng cho con trai ông Q là NLQ5 sinh năm 1995 (lúc đó là học sinh lớp 10 trong sự giám hộ của mẹ là Quách Thị S). Năm 2017 khi ông Q đang lao động ở Nga, anh NLQ5 đã làm nhà trên phần đất mua. Mảnh đất ông Q đang ở đã có di chúc thừa kế để lại trước khi cụ T mất. Nay ông Đinh Văn H không đưa tờ di chúc ra mà còn khởi kiện ông Q. Ông Q đề nghị Tòa án xem xét, điều tra và giải quyết dứt điểm tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1, bà NLQ4, ông NLQ2, ông NLQ3 đều khai thống nhất với lời khai của ông H và nhất trí với yêu cầu của ông H; Ngoài ra còn xác định hiện nay ông Q là người đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Đinh Văn T. Bà NLQ4, ông NLQ2, ông NLQ3 đều tự nguyện cho bà NLQ1 phần di sản thừa kế mà mình được hưởng. Bà NLQ1 nhất trí nhận phần di sản của các đồng thừa kế khác cho.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh NLQ5 trình bày: Vào ngày 24/01/2011, anh Anh và mẹ là bà Quách Thị S đã đến nhà ông NLQ3 để thực hiện việc mua bán mảnh đất mà cụ Đinh Văn T đã để lại cho ông Q và ông NLQ3 với giá 20.000.000 đồng. Cả hai bên đều nhất trí với mức giá 20.000.000 đồng và đã giao nhận tiền. Tại nhà ông NLQ3 lúc đó có vợ ông NLQ3 tên là L và mẹ vợ của ông NLQ3, ngoài ra còn có bà N vợ ông G làm chứng. Anh NLQ5 đề nghị Tòa án đưa anh vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại giấy chứng nhận ngày 27/12/2018 và bản tự khai ngày 05/9/2019 ông Đinh Minh Ch (Đinh Văn Ch) trình bày: Năm 2001 ông Đinh Văn T có triệu tập con cháu đến chứng kiến, ông T công bố đất và nhà ở của ông T chia đôi cả nhà và đất vườn, đất ở cho con Đinh Văn Q một nửa và NLQ3 một nửa, văn bản được đọc cho mọi người nghe, sau đó giao văn bản này cho anh Đinh Văn H là con trưởng có trách nhiệm đi xã xin dấu xã chứng thực.

Tại văn bản làm việc ngày 06/3/2019 và ngày 05/9/2019 Ủy ban nhân dân xã P xác định: Cụ Đinh Văn T sinh năm 1928, chết năm 2007 và cụ Nguyễn Thị D sinh năm 1932, chết năm 1994 là vợ chồng, có 06 người con gồm: Bà NLQ1, ông Đinh Văn H, ông NLQ2, ông Đinh Văn Q, ông NLQ3, hiện tại đều trú tại: Thôn Y, Xã P, Huyện N, tỉnh Ninh Bình và bà NLQ4 đang trú tại: Thôn E, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Cụ T, cụ D không có con riêng, con nuôi. Bố mẹ cụ T, cụ D đều đã chết trước các cụ.

Khoảng năm 1965 vợ chồng cụ T khai hoang được một thửa đất, sau đó sử dụng ổn định và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 122423 ngày 21/11/1997 mang tên Đinh Văn T, có diện tích là 1007m^2, tại thửa đất số 447, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Xã P. Trên thửa đất vợ chồng cụ T có xây dựng 01 ngôi nhà 4 gian cấp 4 đã cũ, sân bê tông, giếng nước, bếp (hiện nay ông Q sử dụng làm chuồng bò).

Diện tích đất kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đinh Văn T tới nay không chuyển nhượng cho ai, không tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề. Giữa bản đồ địa chính năm 1997 và bản đồ kỹ thuật số năm 2017 có sự thay đổi về diện tích, số thửa và tờ bản đồ cụ thể như sau:

Bản đồ địa chính năm 1997 thể hiện: Diện tích đất là 1007m^2, số thửa là 447, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính xã P.

Bản đồ kỹ thuật số năm 2017 thể hiện: Diện tích đất là 992,8m^2, số thửa 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính xã P.

Ủy ban nhân dân xã P xác định có sai số về diện tích giữa hai tờ bản đồ là do bản đồ địa chính năm 1997 đo bằng thước dây nên sai số cao, còn bản đồ kỹ thuật số năm 2017 đo bằng máy kỹ thuật số nên chính xác hơn, sai số ít hơn. Trước khi chết cụ Đinh Văn T đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí, sau khi cụ T chết ông Đinh Văn Q là người nộp thuế đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 28/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá tài sản đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 36 bản đồ địa chính Xã P và tài sản trên đất, kết quả như sau:

Về đất: Diện tích thực tế là 992,8m^2 (đất ở 360m^2 x 300.000đ, đất vườn 632,8m^2 x 70.000đ) = 152.296.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 + mái hiên = 81.902.092đ; Chuồng bò (trước đây là bếp) = 6.192.971đ; Sân bê tông = 4.532.228đ; Chuồng gà = 2.327.630đ; Nhà tắm = 3.012.227đ; Giếng nước = 14.224.923đ; Nhà vệ sinh 2.219.579đ; Bể WC 9m^3 = 11.964.915đ + Nắp đậy 0,45m^3 = 2.983.500đ; Bể WC 12m^3 = 15.953.220đ + Nắp đậy 0,4m^3 = 2.652.000đ; Nhà mái bằng xây dựng chưa hoàn thiện 155,7m^2 = 409.693.877đ + Hiên lồi nhà 2 tầng mái chéo bê tông cốt thép = 43.416.499; Nhà mái bằng xây dựng chưa hoàn thiện 44,9m^2 = 118.145.504đ; Tường rào xây gạch bi = 73.118.421đ; Tường rào xây gạch bê tông = 48.217.856đ; Tường rào xây bằng đá = 10.285.412đ; 01 cây Sấu tán lá 7m = 562.000đ; 06 cây Sưa phi 20 = 1.800.000đ; 01 cây Xoài tán lá 3m = 280.000đ; 04 cây Na tán lá 3m = 1.000.000đ; 02 cây khế tán lá 3m = 240.000đ; 01 cây keo phi 20 = 400.000đ; 01 cây Chay ăn quả = 200.000đ; 3 cây Chuối có buồng = 150.000đ; 25 cây Chuối chưa buồng = 250.000đ; 05 cây Cau chưa có buồng = 900.000đ; đất đổ vườn 90.000đ/1m^3, theo ông Q khai ông đã đổ 1.000m^3 = 90.000.000đ.

Ngày 05/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá (Bổ sung) đã xác định trên diện tích đất 992,8m^2 thực

tế ông Q đã đổ tổng số 585,675m^3 đất đá xô bồ để tôn nền cao lên, giá trị vẫn giữ nguyên kết quả như định giá lần trước 90.000đ/1m^3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng là 992,8m2 đất tại thửa số 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính xã P năm 2017 và các tài sản trên đất gồm: ngôi nhà 4 gian cấp 4 + hiên nhà + Bếp (chuồng bò)+ giếng nước + sân bê tông.

2. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị D và cụ Đinh Văn T để lại là 992,8m2 đất, ngôi nhà 4 gian cấp 4 + hiên nhà + Bếp (chuồng bò) + giếng nước + sân bê tông.

Chia và giao cho bà NLQ1 được quyền sử dụng 524,3m2 đất (trong đó có 360m2 đất ở 164,3m2 đất vườn) có giá trị là 119.501.000 đồng. Số đo và chiều tiếp giáp các cạnh diện tích đất chia cho bà NLQ1 cụ thể như sau: Phía Nam giáp đất nhà ông Q có chiều dài là 24,20m, phía Đông giáp đường tiểu ngõ dài 22,26m, phía Bắc giáp nhà ông NLQ2 có chiều dài là 20,69m, phía Tây giáp đất nhà ông H có chiều dài là 22,84m.

Chia và giao cho bà NLQ1 được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 diện tích 47,88m2 + hiên nhà diện tích 11,7m2, chuồng bò diện tích 17,92m2, sân bê tông 13,34m2, giếng nước sâu 9m, nhà vệ sinh diện tích 2,4m2, tường bao cạnh phía Tây giáp nhà ông H có chiều dài là 22,84m, tường bao cạnh phía Bắc giáp nhà ông NLQ2 có chiều là là 20,69m và cây cối trên đất gồm 01 cây Sấu, 04 cây Sưa, 01 cây Xoài, 03 cây Na, 02 cây Khế, 25 cây chuối chưa có buồng, 05 cây Cau, 01 cây chay ăn quả có giá trị là: 126.063.611 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất bà NLQ1 được hưởng 245.564.611 đồng.

Chia và giao cho ông Đinh Văn Q được quyền sử dụng diện tích 468,5m2 đất vườn có giá trị là 32.795.000 đồng. Số đo và chiều tiếp giáp các cạnh diện tích đất chia cho ông Q cụ thể như sau: Phía Nam giáp đường thôn dài 28,59m; phía Đông giáp đường tiểu ngõ (Phía nhà ông Đ) dài 16,25m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà NLQ1 dài 24,20m; phía Tây giáp phần đất nhà ông H (Thửa 166) dài 16,32m.

Giao cho ông Q và anh NLQ5 được sở hữu các tài sản trên phần đất được chia gồm 01 nhà 02 tầng đang hoàn thiện diện tích xây dựng diện tích 135m2, 01 bể phốt 9m3 + nắp đậy bể phốt 0,4m3, công trình phụ khép kín; phía trước là móng đá kè sân vữa xi măng 5,75m3, tường bao cạnh phía Nam giáp đường trục thôn dài 28,59m, tường bao phía Tây giáp nhà ông H dài 16,32m và cây cối trên đất gồm: 02 cây gỗ sưa, 01 cây na, 01 cây keo (gió bầu), 03 cây chuối có buồng.

Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất ông Q và anh NLQ5 được hưởng là 630.608.230 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm linh tám nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Buộc bà NLQ1 có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị đất + chênh lệch giá

trị tài sản trên đất + tài sản trên đất cho ông Q là: 65.603.684 đồng (sáu mươi lăm triệu sáu trăm linh ba nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng).

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà NLQ1 không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho ông Q, thì hàng tháng bà NLQ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Đinh Văn Q phải tháo rỡ 01 chuồng gà diện tích 5,44m2, nhà tắm diện tích 4,16m2 + 01 bể phốt 12m3 + nắp bể phốt là 0,45m3 và buộc ông Q có nghĩa vụ xúc đất đá xô bồ mà gia đình ông Q đã tự ý đôn nền thuộc phần diện tích 524,3 m2 đất đã giao cho bà NLQ1 để trả lại mặt bằng như hiện trạng ban đầu.

(Có sơ họa kèm theo).

2. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá ông Đinh Văn H đã tự thanh toán và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

3. Về án phí dân sự:

Bà NLQ1 phải nộp là: 7.198.437 đồng (Bẩy triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bẩy đồng).

Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đinh Văn H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện N theo biên lai thu số AA/2013/0000971 ngày 04/12/2019 là 6.000.000 đồng, bà NLQ1 còn phải nộp tiếp là 1.198.437 đồng (một triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bẩy đồng).

Ông Đinh Văn Q phải nộp: 3.959.364 đồng (ba triệu chín trăm năm mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 ông Đinh Văn Q có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, với lý do hoàn toàn không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ bản án, xét xử lại theo hướng không chấp nhận chia thừa kế của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 5, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn

Q; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Q không phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Đinh Văn Q là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 03/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm giao bản án cho ông Q, ngày 11/10/2019 ông Q nộp đơn kháng cáo. Ông Q đã nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật tố tụng dân sự; Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Q được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nho Quan thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung giải quyết tranh chấp của bản án sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] *Về thời hiệu khởi kiện:* Cụ Đinh Văn T chết năm 2007, cụ Nguyễn Thị D chết năm 1994. Tính từ ngày cụ T và cụ D chết đến ngày 03/12/2018 ông Đinh Văn H khởi kiện chia di sản thừa kế là chưa quá 30 năm. Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] *Về diện và hàng thừa kế:* Căn cứ lời khai, sự thừa nhận của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P đủ căn cứ xác định: Vợ chồng cụ T, cụ D có 06 con chung, không ai có con riêng hay con nuôi; Bố mẹ của hai cụ đều đã chết trước hai cụ. Cụ D chết năm 1994, cụ T chết năm 2007, tại xã P, huyện N. Theo quy định của Pháp lệnh thừa kế và quy định tại Điều 611, 613, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế đối với cụ D được xác định là năm 1994, hàng thừa kế thứ nhất gồm chồng và các con; thời điểm mở thừa kế của cụ T được xác định là năm 2007, hàng thừa kế thứ nhất là các con. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản sau khi hai cụ đều đã chết, do đó xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm các con là các ông, bà NLQ1, NLQ4, Đinh Văn H, NLQ2, Đinh Văn Q, NLQ3.

[3.3] Về di sản thừa kế:

* Về quyền sử dụng đất: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, Bản đồ địa chính Xã P năm 1987, 1997, 2017, Sổ mục kê thống kê đất đai, Sổ địa chính lập năm 1997 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P đủ căn cứ xác định: Trước khi chết cụ T và cụ D có quyền sử dụng 992,8m^2 đất (360m^2 đất ở, 632,8m^2 đất vườn) tại thửa số 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2017 và đã được Ủy ban nhân dân

huyện Nho Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 122423 ngày 21/11/1997 mang tên cụ Đinh Văn T. Theo kết quả định giá 992,8m^2 đất có giá trị 152.296.000 đồng.

* Về tài sản trên đất: Theo lời khai của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Ủy ban nhân dân xã P xác nhận: Trước khi chết cụ T và cụ D có ngôi nhà 04 gian cấp 4 (gồm cả mái hiên), nhà bếp (hiện ông Q đang sử dụng làm chuồng bò), sân bê tông, giếng nước. Ông Q lại xác định các công trình nêu trên là do ông bỏ tiền ra xây dựng từ khi chưa lấy vợ, cụ T và các anh, chị, em không có đóng góp gì trong khối tài sản này. Ý kiến của ông Q không được nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận và không đưa ra được chứng cứ có giá trị về mặt pháp lý để chứng minh nên không được chấp nhận. Vì vậy, xác định các tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu của cụ T và cụ D, có tổng giá trị là 106.852.214 đồng.

Ông Q xác định, năm 2001 cụ Đinh Văn T có lập và để lại di chúc, bản di chúc do ông Đinh Minh Ch viết hộ, có chữ ký của cụ T, ông Ch và các con của cụ T đều ký, sau đó cụ T giao bản di chúc cho ông H đến xã xin dấu. Bản di chúc thể hiện rõ việc chia đất và tài sản trên đất cho ông Q và ông NLQ3. Bà NLQ1, bà NLQ4, ông H, ông NLQ2, ông NLQ3 cùng xác định: Trước khi chết cụ D và cụ T chưa bàn giao tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Hai cụ không ai để lại di chúc và ông H không cầm bản di chúc nào đến xã xin dấu như ông Q khai.

Ý kiến của ông Q về bản di chúc không được các đương sự khác thừa nhận. Các đương sự không ai cung cấp được bản di chúc, xét lời khai của ông Q và người làm chứng là ông Đinh Minh Ch không đủ căn cứ xác định trước khi chết cụ T có để lại di chúc chia đất và tài sản trên đất cho ông Q và ông NLQ3. Ngoài ra lời khai của ông Q còn có sự mâu thuẫn, ông Q xác định ngôi nhà cấp 4, nhà bếp, sân bê tông, giếng nước là do ông Q bỏ tiền ra xây dựng, thuộc quyền sở hữu của ông Q mà lại chấp nhận để cho cụ T định đoạt những tài sản này trong bản di chúc như ông Q đã khai.

Đối với giao dịch chuyển nhượng đất ngày 24/01/2011 giữa ông NLQ3 và anh NLQ5, xét thấy nội dung và hình thức của "Giấy chuyển nhượng đất" không đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm chuyển nhượng ông NLQ3 không có quyền sử dụng đất hợp pháp nên giao dịch giữa ông NLQ3 và anh NLQ5 là vô hiệu, không phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp, có căn cứ.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy diện tích 992,8m^2 đất (360m^2 đất ở, 632,8m^2 đất vườn) tại thửa số 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính Xã P lập năm 2017 và các tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà 04 gian cấp 4 gồm cả hiên nhà, nhà bếp (hiện ông Q đang sử dụng làm chuồng bò), sân bê tông, giếng nước là di sản thừa kế của cụ T và cụ D. Trước khi chết cụ D và cụ T

không để lại di chúc. Bản án sơ thẩm đã thanh toán tiền trông coi bảo quản di sản cho ông Q và chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 6 người con của hai cụ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.4] Tuy nhiên, xem xét đến việc chia di sản là quyền sử dụng đất, xử lý một số công trình ông Q đã xây dựng và tôn tạo trên phần đất chia cho bà NLQ1 thấy rằng: Trước đó ông Q và anh NLQ5 đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất được chia nH bản án sơ thẩm không chia cho ông Q đất ở mà chỉ chia cho ông Q 468,5m^2 đất vườn là chưa phù hợp với thực tế, chưa đúng với mục đích sử dụng đất gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Trên phần đất chia cho bà NLQ1, ông Q đã đổ đất tôn vườn và xây dựng một số công trình (đổ đất tôn vườn và xây nhà trước ngày 26/12/2018 là ngày UBND Xã P đến yêu cầu ông Q dừng các hoạt động xây dựng), bản án sơ thẩm đã buộc ông Q phải phá dỡ một số công trình và phải xúc đất đi để trả lại mặt bằng như hiện trạng ban đầu đã gây lãng phí tiền của cho ông Q và gây khó khăn trong quá trình thi hành án.

Để thuận tiện cho việc thi hành án và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, phân chia 992,8m^2 đất (360m^2 đất ở, 632,8m^2 đất vườn) tại thửa số 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính Xã P lập năm 2017 và các tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà 04 gian cấp 4 gồm cả hiên nhà, nhà bếp (hiện ông Q đang sử dụng làm chuồng bò), sân bê tông, giếng nước là di sản thừa kế của cụ Đinh Văn T và cụ Nguyễn Thị D cho những người thuộc hàng thưa kế thứ nhất như sau:

* Tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 259.148.214 đồng (Đất 152.296.000đ + Tài sản trên đất 106.852.214đ). Sau khi cụ T mất, ông Q là người trực tiếp trông coi bảo quản và có công sức làm tăng giá trị của di sản; Căn cứ khoản 3 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015 thanh toán cho ông Q 43.191.369 đồng tiền công trông coi bảo quản di sản.

Giá trị phần di sản còn lại là 215.956.845 đồng, chia đều cho 6 đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần có giá trị là 35.992.807 đồng. (259.148.214đ – 43.191.369đ = 215.956.845đ : 6 = 35.992.807đ).

Tổng giá trị tài sản trong khối di sản thừa kế ông Q được hưởng là 79.184.176 đồng (43.191.369đ + 35.992.807đ).

Ông H, ông NLQ2, ông NLQ3, bà NLQ4 cùng tự nguyện cho bà NLQ1 kỷ phần của mình được hưởng nên bà NLQ1 được hưởng 5 kỷ phần = 179.964.035 đồng.

* Phân chia di sản bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho bà NLQ1 được quyền sử dụng 524,3 m^2 đất (trong đó đất ở 250m^2 x 300.000đ, đất vườn 274,3m^2 x 70.000đ) có giá trị là 94.201.000 đồng. Kích thước diện tích đất chia cho bà NLQ1 cụ thể như sau: Phía Nam giáp đất chia cho ông Q dài 24,20m, phía Đông giáp đường tiểu ngõ dài 22,26m, phía Bắc giáp nhà ông NLQ2

dài 20,69m (16,04m + 4,65m), phía Tây giáp đất nhà ông H dài 22,84m (10,96m + 1,7m + 10,18m).

Chia cho bà NLQ1 được quyền sở hữu các tài sản là di sản thừa kế trên phần đất được chia gồm: 01 nhà cấp 4 (gồm 04 gian + mái hiên) có giá trị 81.902.092 đồng, Nhà bếp (chuồng bò) có giá trị 6.192.971 đồng, sân bê tông có giá trị 4.532.228 đồng, giếng nước có giá trị 14.224.923 đồng; Tổng giá trị là 106.852.214 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế bà NLQ1 được chia là 201.053.214 đồng (94.201.000đ + 106.852.214đ).

Đối với các tài sản của ông Q xây dựng và tôn tạo trên phần đất của bà NLQ1 được chia, nay giao cho bà NLQ1 được quyền sở hữu gồm: Nhà vệ sinh có giá trị 2.219.579 đồng; tường bao phía Tây giáp nhà ông H dài 22,84m, tường bao phía Bắc giáp nhà ông NLQ2 dài 20,69m (ông NLQ2 và ông Q mỗi người xây một nửa, ông NLQ2 không yêu cầu bà NLQ1 thanh toán) có giá trị {(22,84m + 20,69m:2) x 1,2m x 0,11m x 2.878.678 đồng/m^3} = 12.609.000 đồng, 01 Chuồng gà = 2.327.630đ; Nhà tắm = 3.012.227đ; Bể WC 12m^3 = 15.953.220đ + Nắp đậy 0,4m^3 = 2.652.000đ; 01 cây Sấu = 562.000đ; 04 cây Sưa = 1.200.000đ; 01 cây Xoài = 280.000đ; 03 cây Na = 750.000đ; 02 cây khế = 240.000đ; 25 cây Chuối chưa buồng = 250.000đ; 05 cây Cau chưa có buồng = 900.000đ; 01 cây Chay ăn quả = 200.000đ và toàn bộ đất đổ đôn vườn 335,55m^3 x 90.000đ/1m^3 = 30.199.500 đồng (Theo ông Q khai ông đã đổ 1.000m^3, tuy nhiên ông Q không cung cấp và xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận khối lượng đất như ông Q khai. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2019 xác định trên phần đất chia cho bà NLQ1, ông Q đã đổ 335,55m^3 đất x 90.000đ/1m^3= 30.199.500đ). Tổng giá trị các tài sản của ông Q giao cho bà NLQ1 sở hữu là 73.355.156 đồng.

- Chia cho ông Đinh Văn Q được quyền sử dụng diện tích 468,5m^2 đất (trong đó đất ở 110m^2 x 300.000đ, đất vườn 358,5m^2 x 70.000đ) có giá trị là 58.095.000 đồng. Kích thước diện tích đất chia cho ông Q cụ thể như sau: Phía Nam giáp đường thôn dài 28,59m (12,25m+ 16,34m); phía Đông giáp đường tiểu ngõ dài 16,25m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà NLQ1 dài 24,20m; phía Tây giáp đất nhà ông H dài 16,32m.

Trên phần đất chia cho ông Q có các tài sản gồm: Nhà 02 tầng và các công trình khác đang hoàn thiện, phía trước là móng đá kè sân vữa xi măng 5,75m^3, 01 bể phốt 9m^3 + nắp đậy bể phốt 0,45m^3, tường bao phía Nam giáp đường trục thôn, tường bao phía Tây giáp nhà ông H và cây cối trên đất gồm 02 cây gỗ sưa, 01 cây na, 01 cây keo (gió bầu), 03 cây chuối có buồng... là tài sản của ông Q và anh NLQ5 xây dựng, không phải là di sản thừa kế của cụ T, cụ D và không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Về nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản:

Ông Q được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là 35.992.807 đồng và công trông coi bảo quản di sản là 43.191.369 đồng. Tổng giá trị ông Q được hưởng là

79.184.176 đồng. Trên thực tế phần di sản là quyền sử dụng đất ông Q được chia 468,5 m^2 đất có giá trị là 58.095.000 đồng. So phần được chia với phần được hưởng thì ông Q còn được nhận 21.089.179 đồng tiền chênh lệch đối với di sản thừa kế.

Bà NLQ1 được hưởng 5 kỷ phần có giá trị là 179.964.035 đồng. Trên thực tế bà NLQ1 được chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có tổng giá trị là 201.053.214 đồng (đất 94.201.000đ + tài sản trên đất 106.852.214đ). So phần được chia với phần được hưởng thì bà NLQ1 phải thanh toán cho ông Q 21.089.179 đồng tiền chênh lệch đối với di sản thừa kế.

Ngoài ra, bà NLQ1 phải thanh toán cho ông Q giá trị tài sản ông Q đã xây dựng và tôn tạo (Công trình xây dựng, cây cối và đất tôn nền) trên phần đất chia cho bà NLQ1 với số tiền 73.355.156 đồng.

Tổng số tiền bà NLQ1 phải thanh toán cho ông Q là 94.444.000 đồng.

[4]. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đề nghị khi chia đất cần phải cắt 4.0m chiều ngang và kéo dài hết đất để làm ngõ đi chung cho những người được chia đất ở phía trong. Ý kiến nêu trên không được phía bị đơn chấp nhận. Trên thực tế và theo Bản đồ địa chính Xã P qua các thời kỳ thể hiện chạy dọc theo phần đất đã chia cho các đồng thừa kế giáp với đất nhà ông Đông đã có ngõ đi rộng 2.0m, vì vậy không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc cắt đất để làm ngõ đi chung.

[5] Đối với nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất: Ủy ban nhân dân xã P xác định trước khi chết cụ D, cụ T đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước, sau khi cụ T chết ông Đinh Văn Q đã nộp thuế đầy đủ. Ông Q có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền thuế mà ông Q đã nộp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đinh Văn H tự nguyện chịu chi phí và đã trực tiếp thanh toán, không yêu cầu các đương sự khác phải chịu khoản chi phí này, đây là sự tự nguyện của ông H không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận và không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NLQ1 là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy, bà NLQ1 được miễn nộp án phí đối với giá trị kỷ phần thừa kế của bà NLQ1 được hưởng, nhưng phải nộp án phí đối với giá trị kỷ phần thừa kế bà NLQ1 được cho vì những người cho là bà NLQ4, ông H, ông NLQ2, ông NLQ3 không thuộc đối tượng được miễn án phí. Bà NLQ1 phải nộp tiền án phí đối với giá trị của 04 kỷ phần thừa kế là 7.198.000 đồng {35.992.807đ x 4 x 5% = 7.198.000đ}. Ông H đề nghị đối trừ 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp sang phần án phí bà NLQ1 phải chịu và không yêu cầu bà NLQ1 phải thanh toán lại. Vì vậy, bà NLQ1 phải nộp tiếp số tiền án phí sơ thẩm còn thiếu là 1.198.000 đồng.

Ông Đinh Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản là di sản được chia, được hưởng: 79.184.176 đ x 5% = 3.959.000 đồng.

[8] Về án phí dân phúc thẩm: Ông Q không phải nộp án phí phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 609, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167 của Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn H, chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn T và cụ Nguyễn Thị D là quyền sử dụng 992,8m^2 đất (360m^2 đất ở, 632,8m^2 đất vườn) tại thửa số 165, tờ bản đồ số 36 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2017; Địa chỉ: Xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình và các tài sản trên đất như sau:

2.1. Chia cho bà NLQ1 được quyền sử dụng 524,3 m^2 đất (trong đó đất ở 250m^2, đất vườn 274,3m^2) có giá trị 94.201.000 đồng. Kích thước diện tích đất chia cho bà NLQ1 cụ thể như sau: Phía Nam giáp đất chia cho ông Q dài 24,20m, phía Đông giáp đường tiểu ngõ dài 22,26m, phía Bắc giáp đất nhà ông NLQ2 dài 20,69m (16,04m + 4,65m), phía Tây giáp đất nhà ông H dài 22,84m (10,96m + 1,7m + 10,18m).

Chia cho bà NLQ1 được quyền sở hữu các tài sản là di sản thừa kế trên phần đất được chia gồm: 01 nhà cấp 4 + mái hiên, nhà bếp (chuồng bò), sân bê tông, giếng nước; Tổng giá trị là 106.852.214 đồng.

Giao cho bà NLQ1 được quyền sở hữu các tài sản của ông Q xây dựng và tôn tạo trên phần đất bà NLQ1 được chia gồm: Nhà vệ sinh, tường bao phía Tây giáp nhà ông H, tường bao phía Bắc giáp nhà ông NLQ2, 01 Chuồng gà; 01 Nhà tắm; Bể WC + nắp đậy; 01 cây Sấu; 04 cây Sưa; 01 cây Xoài; 03 cây Na; 02 cây khế; 25 cây Chuối chưa có buồng; 05 cây Cau chưa có buồng; 01 cây Chay ăn quả và toàn bộ đất đổ đôn vườn; Tổng giá trị 73.355.156 đồng.

2.2. Chia cho ông Đinh Văn Q được quyền sử dụng diện tích 468,5 m^2 đất (Trong đó đất ở 110m^2, đất vườn 358,5m^2) có giá trị là 58.095.000 đồng. Kích thước diện tích đất chia cho ông Q cụ thể như sau: Phía Nam giáp đường thôn dài 28,59m (12,25m + 16,34m); phía Đông giáp đường tiểu ngõ dài 16,25m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà NLQ1 dài 24,20m; phía Tây giáp đất nhà ông H dài 16,32m.

Trên phần đất chia cho ông Q có các tài sản gồm: Nhà 02 tầng và các công trình khác đang hoàn thiện, phía trước là móng đá kè sân, 01 bể phốt + nắp đậy, tường bao phía Nam giáp đường trục thôn, tường bao phía Tây giáp nhà ông H và cây cối trên đất gồm 02 cây gỗ sưa, 01 cây na, 01 cây keo (gió bầu), 03 cây chuối có buồng... là tài sản của ông Q và anh NLQ5 xây dựng.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Về nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản: Bà NLQ1 phải thanh toán cho ông Đinh Văn Q số tiền 94.444.000 đồng (Chín mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

2.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà NLQ1 phải nộp 7.198.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 6.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000971 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan; Bà NLQ1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 1.198.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Ông Đinh Văn Q phải nộp 3.959.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đinh Văn Q không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông Q 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000363 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (11/3/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CH TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND Huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- CCTHADS Huyện N;
- Phòng KTNV-THA;

- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Nguyễn Tử Lượng